

Số:136/2023/QĐST-HNGĐ

Phú Vang, ngày 28 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 131/2023/VDS- HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Trần Vĩnh L**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế..

- **Chị Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Thôn C, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 18/7/2023, Tòa án nhân dân huyện Phú Vang nhận được đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, đối với người yêu cầu là anh Trần Vĩnh L và chị Nguyễn Thị H, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Vĩnh L và chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Anh Trần Vĩnh L và chị Nguyễn Thị H có 04 con chung là Trần Thị Bảo T, sinh ngày 13/7/2009; Trần Thị Bảo T1, sinh ngày 25/10/2012; Trần Vĩnh Bảo T2, sinh ngày 16/6/2016 và Trần Vĩnh Bảo T3, sinh ngày 28/12/2020. Sau khi ly hôn thỏa thuận anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng con là Trần Thị Bảo T, Trần Thị Bảo T1; Trần Vĩnh Bảo T2 và Trần Vĩnh Bảo T3 đến lúc trưởng thành, đủ

18 tuổi. Chị H đóng tiền cấp dưỡng 3.000.000 đồng mỗi tháng để nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tổ chức hòa giải nhưng hòa giải đoàn tụ không thành. Tại biên bản hòa giải ngày 18 tháng 8 năm 2023 anh Trần Vĩnh L và chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu như ban đầu và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên đương sự. Cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Vĩnh L và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai đương sự thống nhất giao con là Trần Thị Bảo T, sinh ngày 13/7/2009, Trần Thị Bảo T1, sinh ngày 25/10/2012, Trần Vĩnh Bảo T2, sinh ngày 16/6/2016 và Trần Vĩnh Bảo T3, sinh ngày 28/12/2020 cho anh Trần Vĩnh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị H đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 750.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực cho đến lúc các con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Trần Vĩnh L và chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 150.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà anh L, chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007513 và 0007514 ngày 20/7/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Vĩnh L và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai đương sự thống nhất giao con là Trần Thị Bảo T, sinh ngày 13/7/2009, Trần Thị Bảo T1, sinh ngày 25/10/2012, Trần Vĩnh Bảo T2, sinh ngày 16/6/2016 và Trần Vĩnh Bảo T3, sinh ngày 28/12/2020 cho anh Trần Vĩnh L

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị H đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con 750.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung kể từ ngày quyết định ly hôn có hiệu lực cho đến lúc các con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh L có đơn yêu cầu thi hành án mà chị H chưa thanh toán thì hàng tháng chị H còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Vĩnh L và chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc ly hôn. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 150.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà anh L, chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007513 và 0007514 ngày 20/7/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phú Vang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện Phú Vang;
- Chi cục THADS huyện Phú Vang;
- UBND xã Phú Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Sơn